

0.010
0.015

GS (C3.0) -GR

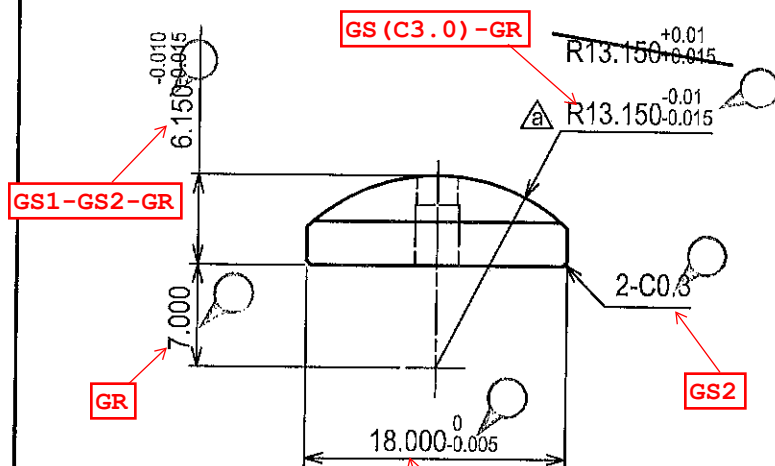
R13.150^{+0.01}_{-0.015}

SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0410-k

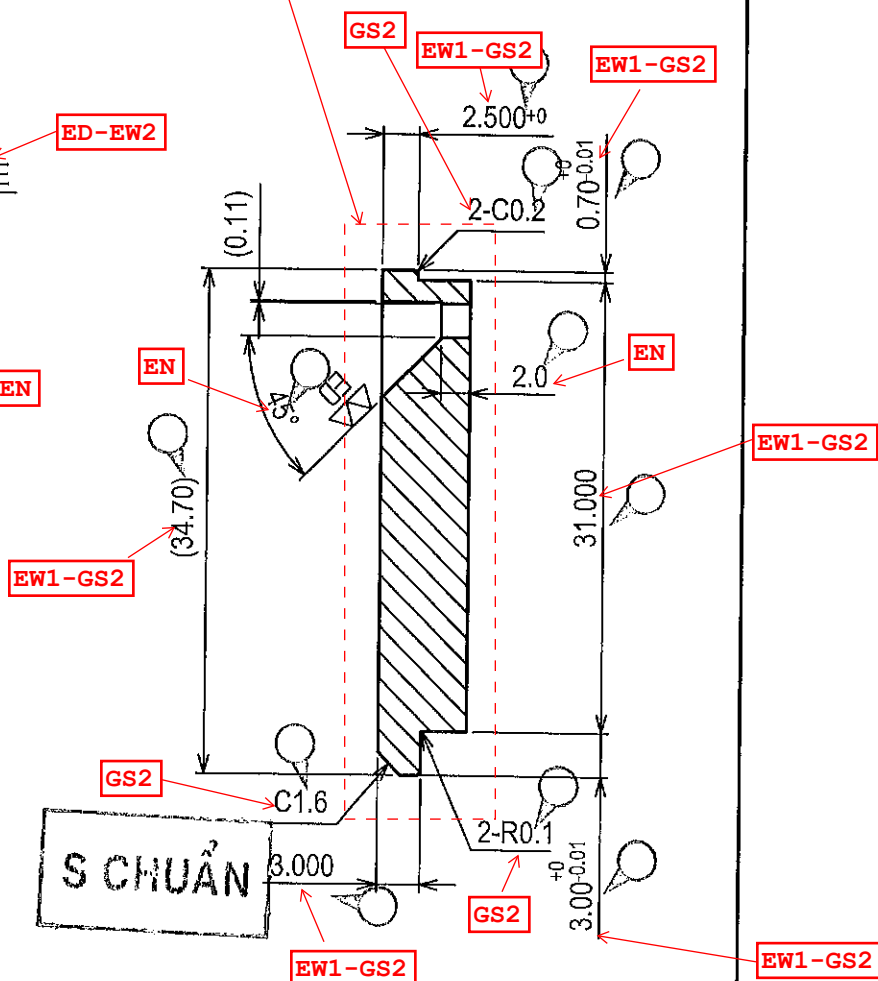
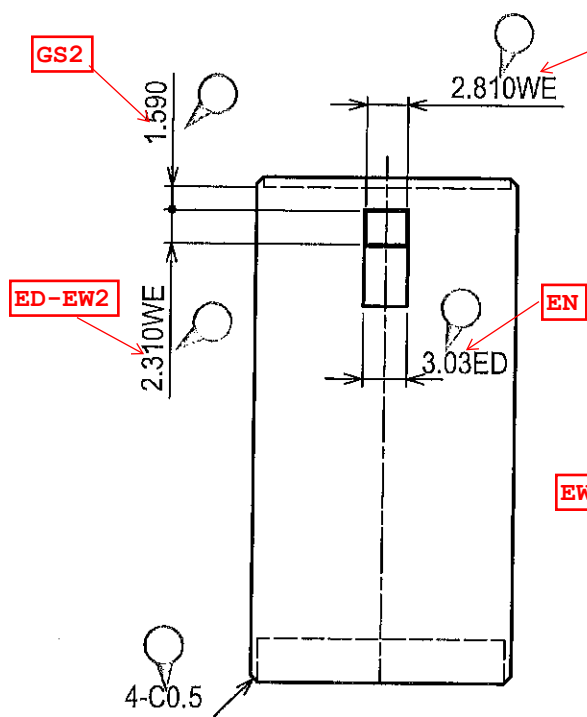
FINISH MARKS

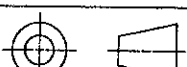
G WE ED

▽▽▽ (▽▽▽) (▽▽▽)



EW1 cắt thô biên dạng này



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Peng_Wei_Chun	Peng_Wei_Chun	部品図		穴抜きダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		HOLE BRANKING DIE
HRC 0 °~ 0 °		部品図		穿孔下模
		部品図		穿孔下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D40/HIP)	2016/11/07	2:1		R069462

SNO: **R069462**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD40 T20*9*38	EW1:60 GS1:60 ED:10 EW2:30 GS2:150 GR:120 EN:90 KT